



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam  
Mã số thuế: 6101177237

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ IV NĂM 2022

**Bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán
- Bảng kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính

Tháng 01/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam  
Mã số thuế: 6101177237

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

**Bao gồm:**

Bảng cân đối kế toán  
Bảng kết quả kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
Thuyết minh Báo cáo tài chính

Tháng 01/2023

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>22.706.935.916</b>	<b>64.171.163.952</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.060.359.134</b>	<b>52.934.396.847</b>
1. Tiền	111	V.1	2.060.359.134	52.934.396.847
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.494.427.208</b>	<b>11.101.538.244</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	19.369.072.618	10.091.101.644
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	898.152.000	1.001.436.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	227.202.590	9.000.000
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>152.149.574</b>	<b>135.228.861</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V7	152.149.574	135.228.861
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>976.881.899.719</b>	<b>685.025.275.922</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>264.848.268.513</b>	<b>53.747.965</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	264.848.268.513	53.747.965
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>259.440.814.401</b>	<b>276.371.211.107</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.5	259.440.814.401	276.371.211.107
- Nguyên giá	222		474.417.372.118	474.182.872.118
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(214.976.557.717)	(197.811.661.011)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>448.672.000.000</b>	<b>407.020.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.6	234.220.000.000	234.220.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.6	214.452.000.000	172.800.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		0	0
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.920.816.805</b>	<b>1.580.316.850</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.920.816.805	1.580.316.850
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>999.588.835.635</b>	<b>749.196.439.874</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày <u>31/12/2022</u>	Tại ngày <u>01/01/2022</u>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>704.863.581.738</b>	<b>455.131.394.123</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.938.553.788</b>	<b>50.069.426.451</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	3.036.358.798	339.180.586
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	312	V.8	12.028.686.384	13.041.941.631
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	7.115.086.683	4.522.758.517
3. Phải trả người lao động	314		393.791.009	345.912.239
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	12.939.016.664	1.614.019.228
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	35.420.000.000	30.200.000.000
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.614.250	5.614.250
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>633.925.027.950</b>	<b>405.061.967.672</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.10	257.397.260.274	0
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	376.527.767.676	405.061.967.672
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>294.725.253.897</b>	<b>294.065.045.751</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>294.725.253.897</b>	<b>294.065.045.751</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	V.13	284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.821.253.897	9.161.045.751
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		9.161.045.751	(11.830.419.982)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		660.208.146	20.991.465.733
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>999.588.835.635</b>	<b>749.196.439.874</b>

**Ghi chú:** Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Người lập biểu

*Trần Văn Giang*

Trần Văn Giang

Kế toán trưởng

*Hoàng Hữu Điền*

Kon Tum, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tổng giám đốc



*Dinh Xuân Hoàng*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022		Năm 2021	
			Quý IV Năm 2022	Lũy kế đến 31/12/2022	Quý IV Năm 2021	Lũy kế đến 31/12/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21.176.377.483	67.817.705.597	21.759.741.858	64.885.743.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		21.176.377.483	67.817.705.597	21.759.741.858	64.885.743.669
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.710.439.423	23.155.409.328	6.013.923.353	22.965.250.785
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20		15.465.938.060	44.662.296.269	15.745.818.505	41.920.492.884
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		14.799.773.647	14.820.562.612	65.404.704	85.789.167
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.343.735.928	53.895.288.891	(378.205.806)	17.325.118.285
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.946.475.654	46.498.028.617	(378.205.806)	27.734.862.212
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	907.233.169	4.581.063.043	847.879.883	3.374.239.791
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		12.014.742.610	1.006.506.947	15.341.549.132	21.306.923.975
11. Thu nhập khác	31		9.000	6.325.293	38.0000	54.000
12. Chi phí khác	32		976.020	47.257.646	170.354.726	196.107.414
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(967.020)	(40.932.353)	(170.316.726)	(196.053.414)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.013.775.590	965.574.594	15.171.232.406	21.110.870.561
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	260.960.031	305.366.448	245.558.262	119.404.828
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.752.815.559	660.208.146	14.925.674.144	20.991.465.733

Người lập biểu

*Trần Văn Giang*

Trần Văn Giang

Kế toán trưởng

*Hoàng Hữu Điền*

Kon Tum, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tổng giám đốc



*Đinh Xuân Hoàng*



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*( Theo phương pháp gián tiếp )*  
Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>965.574.594</b>	<b>21.110.870.561</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>27.796.215.397</b>
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.164.896.706	17.204.286.279
- Dự phòng tài chính dài hạn	03	0	(10.869.111.599)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.820.562.612)	(85.789.167)
- Chi phí lãi vay	06	46.498.028.617	21.546.829.884
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ</b>	<b>08</b>	<b>49.807.937.305</b>	<b>48.907.085.958</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(274.187.409.512)	35.752.977.353
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	282.998.744.161	5.095.034.515
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.357.420.668)	(263.417.835)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.643.209.242)	(30.066.920.994)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(52.221.821)	(688.625.390)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.566.420.223</b>	<b>58.735.533.607</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(234.500.000)	(988.680.714)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(41.652.000.000)	(236.500.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.042.064	85.789.167
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(41.860.457.936)</b>	<b>(237.402.891.547)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	0	249.900.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(25.580.000.000)	(32.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(25.580.000.000)</b>	<b>217.400.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(50.874.037.713)</b>	<b>38.732.642.060</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	52.934.396.847	14.201.754.787
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2.060.359.134	52.934.396.847

Người lập biểu

Trần Văn Giang

Kế toán trưởng

  
**Hoàng Hữu Điền**

Kon Tum, ngày 30 tháng 01 năm 2023



Tổng Giám đốc

  
**Đinh Xuân Hoàng**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 06/02/2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 20/05/2022 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Điện thoại: (0236) 710.9886

E-mail: info@dientruongthinh.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tổng số nhân viên Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2022 là 43 người

Công ty đang quản lý và vận hành 02(hai) nhà máy:

Nhà máy thủy điện ĐăkNe theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 38121000013 do UBND tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/04/2008, điều chỉnh lần thứ 05 ngày 10/12/2021, quy mô nhà máy 8.1 MW;

Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 21/CN-UBND do UBND tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 11/05/2009, điều chỉnh lần thứ 5 ngày 31/12/2019 với mã số dự án 5200631540, quy mô công suất 3MW.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

#### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian là 12 tháng.

#### 4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng.

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm nào đáng kể có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
<b>a) Công ty con</b>			
Công ty TNHH Trung Việt	507 Duy Tân phường Duy Tân Thành phố Kon Tum, Tỉnh KonTum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
<b>b) Đơn vị trực thuộc</b>			
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2, Xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		100%
<b>c) Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Huồi Vang – Thành Bưởi	Số nhà 48, Tổ dân phố 6 Phường Thanh Bình, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,40%
Công ty Cổ Phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Thôn 16 xã Lộc Thành huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	31,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm phường 8 TP Tuy Hòa tỉnh Phú Yên	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	43%

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2. Kỳ kế toán



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số: 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung thông tư số: 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo Quy định Pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Nguyên tắc các khoản đầu tư tài chính

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ;

Đối khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định Pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi khoản đầu tư;

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi các khoản cho vay;

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính riêng tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

### 3. Nguyên tắc kế toán khoản phải thu

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán, như phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan giao dịch mua bán như;

Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên ủy thác.

Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu

### 4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao

Nhà cửa vật kiến trúc 05-50

Máy móc thiết bị 03-20

Phương tiện, vận tải truyền dẫn 06-30

Thiết bị dụng cụ quản lý 03 -08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 5. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí phân bổ khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian.

### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại các khoản phải trả để phân loại dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

### 7. Nguyên tắc khi nhận các khoản vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay có thời hạn nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch trả nợ.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, ... được hạch toán chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo;

Hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ;

Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí phát sinh sẽ được hoàn nhập.

### 9. Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

### 10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ; được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận thỏa mãn đồng thời (2) điều kiện sau;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: Phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh bao gồm:

- Thu nhập nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;
- Thu nhập nghiệp vụ mua và bán lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp

### 11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn sản phẩm điện bao gồm: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung, và các chi phí khác được ghi nhận phù hợp doanh thu thực hiện trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu tiêu hao vượt định mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay giá vốn hàng bán (sau khi trừ chi phí bồi thường nếu có) kể cả sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### 12. Nguyên tắc chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho và chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh, khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản chi phí tài chính không coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ được hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng thuế TNDN phải nộp.

### 13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các chi phí ghi nhận chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm,...

Các khoản chi phí ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí tiền lương bộ phận quản lý doanh nghiệp, khoản trích theo lương, nguyên vật liệu quản lý, khấu hao tài sản quản lý khoản trích lập dự phòng, phí môn bài, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, văn phòng phẩm, ...) chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...)

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập chịu thuế của Công ty là thu nhập từ hoạt động kinh doanh của nhà máy thủy điện Đak ne và nhà máy thủy điện Tà vi. Do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát và nhà máy thủy điện Đak ne sau đó bàn giao lại cho Công ty thủy điện



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

Đakne vận hành. Theo Quy định tại khoản 3 điều 20, Nghị định số; 118/2013/NĐ/CP quy định kế thừa các ưu đãi thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đăk Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế TNDN còn lại của Công ty cổ phần Tấn Phát cụ thể:

- Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 11 năm kể từ năm 2014;
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014;
- Năm 2022 là năm thứ 9 Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động nhà máy ĐakNe.
- Công ty áp dụng mức thuế suất TNDN là 20% với thu nhập từ hoạt động khác.

### 15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan: Các doanh nghiệp, cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể với Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi các bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

### 1. TIỀN VÀ CÁC TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	ĐVT; Đồng	
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	190.887.957	39.297.653
Tiền gửi ngân hàng	1.869.471.177	52.895.099.194
<b>Cộng</b>	<b><u>2.060.359.134</u></b>	<b><u>52.934.396.847</u></b>

### 2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tổng công ty Điện Lực Miền Trung (*)	19.369.072.618	10.091.101.644
<b>Cộng</b>	<b><u>19.369.072.618</u></b>	<b><u>10.091.101.644</u></b>

(\*) Tiền điện đã xuất hóa đơn còn phải thu của Tổng Công ty điện lực Miền Trung.

### 3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty CP TV XD năng lượng tái tạo	116.864.000	116.864.000

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	0	85.250.000
Công Ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật TDMN	181.028.000	181.028.000
Công Ty TNHH tư vấn xây dựng 78	535.260.000	535.260.000
Công Ty TNHH Kiểm toán & TĐG Việt Nam	65.000.000	82.500.000
Trả trước cho người bán khác (*)	0	534.600
<b>Cộng</b>	<b><u>898.152.000</u></b>	<b><u>1.001.436.600</u></b>

(\*) Giá trị trả trước cho người bán khác là giá trị tạm ứng cho các đối tác, nhà cung cấp thực hiện việc sửa chữa, thay thế thiết bị nhà máy Đakne, nhà máy Tà Vinhưng đến ngày 31/12/2022 chưa thanh quyết toán.

#### 4. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>227.202.590</b>	<b>9.000.000</b>
Phải thu tạm ứng	227.202.590	9.000.000
<i>Bùi Thị Thanh Huyền</i>	70.934.100	
<i>Nguyễn Thị Như Hoa</i>	21.700.000	
<i>Hồ Thanh Tiến</i>	76.959.430	
<i>Thu tạm ứng khác:</i>	57.609.060	9.000.000
<b>b) Phải thu Dài hạn khác</b>	<b>264.848.268.513</b>	<b>53.747.965</b>
Ký Quỹ, Ký cược dài hạn	53.747.965	53.747.965
Phải thu dài hạn khác	250.000.000.000	
<i>Công Ty CP Phú Hữu Gia (*)</i>	<i>183.110.000.000</i>	
<i>Công Ty CP Sam Holdings(*)</i>	<i>66.890.000.000</i>	
<i>Lãi hoạt động HTĐT (tạm tính)</i>	<i>14.794.520.551</i>	
<b>Tổng cộng (a)+(b)</b>	<b><u>265.075.471.103</u></b>	<b><u>62.747.965</u></b>

(\*) Các khoản đầu tư hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ký ngày 06/04/2022, giá trị hợp đồng là 183.110.000.000 đồng, thời hạn 24 tháng, lãi hoạt động hợp tác kinh doanh (tạm tính đến ngày 31/12/2022) số tiền là: 10.836.098.632 đồng



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

(\*) Các khoản đầu tư hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 02/2022/HĐHTĐT/SAM-TTE ký ngày 04/04/2022, giá trị hợp đồng là 66.890.000.000 đồng, thời hạn 24 tháng, lãi hoạt động hợp tác kinh doanh (tạm tính đến ngày 31/12/2022) số tiền là: 3.958.421.919 đồng

#### 5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	<u>369.996.813.760</u>	<u>99.492.227.269</u>	<u>3.685.550.375</u>	<u>1.008.280.714</u>	<u>474.182.872.118</u>
Mua trong năm	-	234.500.000	-	0	234.500.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>369.996.813.760</u>	<u>99.726.727.269</u>	<u>3.685.550.375</u>	<u>1.008.280.714</u>	<u>474.417.372.118</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	<u>139.673.079.950</u>	<u>55.533.848.672</u>	<u>2.505.994.636</u>	<u>98.737.753</u>	<u>197.811.661.011</u>
Hao mòn phát sinh	12.055.835.808	4.567.304.605	396.013.337	145.742.956	17.164.896.706
Số dư cuối kỳ	<u>151.728.915.758</u>	<u>60.101.153.277</u>	<u>2.902.007.973</u>	<u>244.480.709</u>	<u>214.976.557.717</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm:	<u>230.323.733.810</u>	<u>43.958.378.597</u>	<u>2.902.007.973</u>	<u>909.542.961</u>	<u>276.371.211.107</u>
Tại ngày 31/12/2022:	<u>218.267.898.00</u>	<u>39.625.573.994</u>	<u>783.542.402</u>	<u>763.800.002</u>	<u>259.440.814.404</u>

#### 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu kỳ (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>234.220.000.000</b>			<b>234.220.000.000</b>		
Công ty TNHH Trung Việt (1)	234.220.000.000			234.220.000.000		
<b>Đầu tư vào Cty liên doanh liên kết</b>	<b>214.452.000.000</b>			<b>172.800.000.000</b>		
CT CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng (2)	85.800.000.000			68.640.000.000		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

Cty CP TĐ Huồi Vang- Thành Bưởi (3)	52.800.000.000	42.240.000.000
Cty CP Đầu tư thủy điện Đá Đen (4)	75.852.000.000	61.920.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>448.672.000.000</b>	<b>407.020.000.000</b>

- (1) Khoản đầu tư chiếm 98% vốn góp của Công ty TNHH Trung Việt. Công ty TNHH Trung Việt là Công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số: 6100221010 ngày 22 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.
- (2) Khoản đầu tư này chiếm 31,18 % vốn góp của Công ty Cổ Phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng. Công ty đã thanh toán 100% giá trị chuyển nhượng bằng tiền gửi ngân hàng. Hoạt động sản xuất chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- (3) Khoản đầu tư này chiếm 38.4% vốn góp của Công ty CP Thủy điện Huồi Vang – Thành Bưởi. Công ty đã thanh toán 100% giá trị chuyển nhượng bằng tiền gửi ngân hàng. Hoạt động sản xuất chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- (4) Khoản đầu tư này chiếm 43% vốn góp của Công ty CP Thủy điện Đá Đen. Công ty đã thanh toán 95% giá trị chuyển nhượng bằng tiền gửi ngân hàng. Hoạt động sản xuất chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện,

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này vì các công ty này chưa niêm yết trên thị trường, đồng thời chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

### 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b><u>152.149.574</u></b>	<b><u>135.228.861</u></b>
Chi phí thuê văn phòng	61.690.910	64.671.761
Chi phí bảo hiểm nhà máy	90.458.664	70.557.652
Chi phí ngắn hạn khác	0	0



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b><u>3.920.816.805</u></b>	<b><u>1.580.316.850</u></b>
Công cụ dụng cụ	0	299.432.381
Chi phí trả trước khác	3.920.816.805	1.280.884.469
<b>Cộng (a)+(b)</b>	<b><u>4.072.966.379</u></b>	<b><u>1.715.545.711</u></b>

### 8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Diễn giải	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Tấn phát	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Cty CPDTTM DV SPE VIỆT NAM	195.353.284	195.353.284	25.956.461	25.956.461
Công Ty CP chứng khoán quốc gia	2.598.400.000	2.598.400.000		
Phải trả cho các đối tượng khác	42.605.514	42.605.514	113.224.125	113.224.125
<b>Cộng</b>	<b><u>3.036.358.798</u></b>	<b><u>3.036.358.798</u></b>	<b><u>339.180.586</u></b>	<b><u>339.180.586</u></b>

### 9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Lũy kế phát sinh năm 2022	Số đã nộp trong kỳ	Lũy kế số đã nộp năm 2022	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	1.659.807.810	2.128.911.400	6.503.408.707	975.735.659	5.542.478.612	2.620.737.905
Thuế TNDN	119.404.828	260.960.031	393.859.529	0	130.059.865	383.204.492
Thuế TNCN	13.866.676	711.898.377	1.457.353.159	25.579.490	278.149.417	1.193.070.418
Thuế TN	1.216.574.321	2.004.656.422	6.078.446.168	1.763.008.219	5.980.544.611	1.314.475.878
Các loại thuế	0	3.468.791	7.468.791	3.468.791	7.468.791	0
Phí, nộp khác	1.513.104.882	1.099.838.068	3.096.473.868	1.006.519.588	3.005.980.760	1.603.597.990
<b>Cộng</b>	<b><u>4.522.758.517</u></b>	<b><u>6.209.733.089</u></b>	<b><u>17.537.010.222</u></b>	<b><u>3.774.311.747</u></b>	<b><u>14.944.682.056</u></b>	<b><u>7.115.086.683</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

### 10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2021</u>
<b>a) Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>12.028.686.384</b>	<b>13.041.941.631</b>
Chi phí lãi vay phải trả	9.429.686.384	6.124.541.631
Chi phí phát hành trái phiếu	2.599.000.000	6.917.400.000
<b>b) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>12.939.016.664</b>	<b>1.614.019.228</b>
Bảo hiểm xã hội	0	2.564
Bảo hiểm y tế	0	0
Bảo hiểm thất nghiệp	0	0
Bà Đoàn Thị Ngọc Thu (*)	3.939.016.664	1.614.016.664
Bà Bùi Thị Thanh Huyền (*)	9.000.000.000	
<b>Cộng (1)+(2)</b>	<b><u>24.967.703.048</u></b>	<b><u>8.507.471.631</u></b>
<b>c) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>257.397.260.274</b>	<b>0</b>
Ông Bùi Xuân Huy (**)	257.397.260.274	
<b>Cộng</b>	<b><u>282.364.963.322</u></b>	<b><u>0</u></b>

(\*) Khoản mượn ngắn hạn của các cá nhân để phục vụ hoạt động thường xuyên của nhà máy.

(\*\*) Khoản nhận hợp tác đầu tư theo hợp đồng số Số: 01/2022/HTĐT/BXH-TTE ngày 06/04/2022 giữa ông: Bùi Xuân Huy và Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh, giá trị hợp đồng là: 250.000.000.000 đồng, chi phí tài chính phải trả hoạt động hợp tác đầu tư tính với lãi suất 4%/1 năm đã được hai bên đồng ý, số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2022 số tiền là: 7.397.260.274 đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

### 11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Diễn giải	ĐVT: VND					
	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>35.420.000.000</b>	<b>35.420.000.000</b>	<b>30.800.000.000</b>	<b>25.580.000.000</b>	<b>30.200.000.000</b>	<b>30.200.000.000</b>
NH NN và PTNN VN	6.220.000.000	6.220.000.000	6.400.000.000	5.980.000.000	5.800.000.000	5.800.000.000
NH TMCP Việt Á – CN Đà Nẵng	29.200.000.000	29.200.000.000	24.400.000.000	19.600.000.000	24.400.000.000	24.400.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>376.527.767.676</b>	<b>376.527.767.676</b>	<b>2.265.800.004</b>	<b>30.800.000.000</b>	<b>405.061.967.672</b>	<b>405.061.967.672</b>
-NH NN và PTNN Việt Nam	45.300.000.000	45.300.000.000	0	6.400.000.000	51.700.000.000	51.700.000.000
NH TMCP Việt Á – CN Đà Nẵng	85.400.000.000	85.400.000.000	0	24.400.000.000	109.800.000.000	109.800.000.000
Khoản vay trái phiếu không chuyển đổi (*)	245.827.767.676	245.827.767.676	2.265.800.004	0	243.561.967.672	243.561.967.672
<b>Cộng</b>	<b><u>411.947.767.676</u></b>	<b><u>411.947.767.676</u></b>	<b>33.065.800.004</b>	<b>56.380.000.000</b>	<b><u>435.261.967.672</u></b>	<b><u>435.261.967.672</u></b>

Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt nam – Chi nhánh tỉnh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP Thủy điện Đăk Ne và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăkne. Khoản vay chịu lãi suất 11,2%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện Đăkne để thế chấp cho khoản vay này.

(\*) Khoản vay trái phiếu không chuyển đổi thực hiện theo Nghị Quyết số 21/2021/NQ-HĐQT ngày 25/09/2021 về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021. Báo cáo ết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 24/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021, mã trái phiếu : TTEH2124001, hình thức trái phiếu: bút toán ghi sổ; hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ; phương thức phát hành: đại lý phát hành; loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu; số liệu trái phiếu phát hành thành công: 2.499 trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng kể từ ngày phát hành; lãi suất trên danh nghĩa trái phiếu: 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng; mục đích phát hành: bổ sung cho nguồn vốn hoạt động đầu tư.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

### 12. NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Diễn giải	Số cuối kỳ		Tăng	Số trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Nợ thuê tài chính của công ty	-	-	-	-	-	-	-
Tổng	-	-	-	-	-	-	-

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

#### 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### Thông tin về vốn chủ sở hữu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	<u>284.904.000.000</u>	<u>284.904.000.000</u>

Tình hình phát hành cổ phiếu của công ty tại 31/12/2022 như sau:

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 1. DOANH THU BÁN HÀNG

	<u>Từ 01/10/2022</u> <u>đến 31/12/2022</u>	<u>Từ 01/10/2021</u> <u>đến 31/12/2021</u>
Nhà máy Đakne	15.454.220.381	15.986.147.351
Nhà máy Tà Vi	5.722.157.102	5.773.594.507
<b>Cộng</b>	<u>21.176.377.483</u>	<u>21.759.741.858</u>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

### 2. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

Giá vốn bán điện	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021
Nhà máy Đakne	4.151.414.016	4.135.638.653
Nhà máy Tà Vi	1.559.025.407	1.878.284.700
<b>Cộng</b>	<b><u>5.710.439.423</u></b>	<b><u>6.013.923.353</u></b>

### 3. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021
Chi phí nhân công	763.323.393	581.596.856
Chi phí khấu hao	4.262.934.843	4.270.593.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	376.372.952	0
Chi phí khác bằng tiền	307.808.235	1.161.733.452
<b>Cộng</b>	<b><u>5.710.439.423</u></b>	<b><u>6.013.923.353</u></b>

### 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021
Nhà máy Đakne	3.517.182.334	4.109.586.000
Nhà máy Tà Vi	1.268.791.232	1.316.708.834
Chi phí lãi vay trái phiếu	5.160.502.088	5.064.610.959
Chi phí tài chính khác	7.397.260.274	
Hoàn nhập chi phí dự phòng		(10.869.308.148)
<b>Cộng</b>	<b><u>17.343.735.928</u></b>	<b><u>(378.205.806)</u></b>

### 5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021
Chi phí nhân viên	604.144.912	523.457.000
Chi phí đồ dung văn phòng	7.324.200	5.014.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	0	47.132.955
Thuế, phí và lệ phí	7.220.048	6.908.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài		810.000
Các khoản chi phí khác	288.544.009	264.557.186
<b>Cộng</b>	<b><u>907.233.169</u></b>	<b><u>847.879.883</u></b>

### 6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>12.013.775.590</b>	<b>15.171.323.406</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ		0
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>12.013.775.590</b>	<b>15.171.323.406</b>
Thu nhập chịu Thuế suất 10% (i)	0	245.558.262
Thu nhập chịu Thuế suất 20% (ii)	260.960.031	0
<b>Thuế TNDN phải nộp theo suất ưu đãi</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Đ/c Thuế TNDN được miễn, giảm	0	0
<b>Thuế TNDN phải nộp (*)</b>	<b>260.960.031</b>	<b>245.558.262</b>

(i) Thuế suất 10% là cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Đăk Ne: Do Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh (Tên cũ: Công ty Cổ Phần Thủy điện Đăk Ne) được tách ra từ Công ty Cổ Phần Tấn Phát và nhà máy thủy điện Đăk Ne được bàn giao lại cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh vận hành, theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đăk Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của Công ty Cổ Phần Tấn Phát cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022*

(ii) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% tương ứng cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Tà Vi.

### VII. THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Thông tin về các bên liên quan

##### a) Danh sách các bên liên quan

###### Bên liên quan:

###### Mối quan hệ

1. Công ty TNHH Trung Việt	Công ty Con
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng giám đốc CT Trung Việt
2. Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch HĐQT
3. Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng giám đốc
4. Ông Hoàng Hữu Điền	Phó TGD kiêm Kế toán trưởng

##### b) Tại ngày 31/12/2022, Số dư các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>		
-Cty CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng	85.800.000.000	68.640.000.000
-Cty CP Thủy điện Huổi Vang- Thành Bưởi	52.800.000.000	42.240.000.000
-Cty CP Đầu tư thủy điện Đá Đen	75.852.000.000	61.920.000.000

##### c) Thu nhập của Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Thù lao HĐQT và thu nhập Ban Giám đốc	210.000.000	180.000.000

### 14. Báo cáo bộ phận

#### a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty được tổ chức theo đơn kinh doanh dựa trên sản phẩm Chính của công ty là Sản xuất, phân phối và truyền tải điện, trong kỳ Công ty chỉ phát sinh doanh thu và chi phí liên quan đến việc Sản xuất điện để bán cho Tập đoàn điện lực.

Bộ phận Sản xuất, phân phối và truyền tải điện: là bộ phận Sản xuất điện của nhà máy để bán cho Tập đoàn điện lực.

Kết quả kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2022

### b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, giá vốn, lợi nhuận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Quý IV.2022			Đơn vị tính: 1.000VND Quý IV.2021		
	Tỉnh Kon Tum	Ngoài Kon Tum	Tổng cộng	Tỉnh Kon Tum	Ngoài Kon Tum	Tổng cộng
Doanh thu	15.454.220	5.722.157	21.176.377	15.986.147	5.773.595	21.759.742
Giá vốn hàng bán	4.151.414	1.559.025	5.710.439	4.135.639	1.878.285	6.013.924
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	11.302.806	4.163.132	15.465.938	11.850.509	3.895.310	15.745.819

### 15. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính Quý IV năm 2021 đã lập của Công ty.

### 16. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính Quý IV năm 2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Trần Văn Giang

Kế toán trưởng

  
Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc

  
Đinh Xuân Hoàng



